BỘ XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2025/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 11 như sau:

"4. Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra thiết bị, phương tiện tại hiện trường theo các nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Kết thúc kiểm tra hiện trường, Cơ quan kiểm tra lập Biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư này;

a) Trường hợp thiết bị, phương tiện và hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra thực hiện quy trình cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp thiết bị, phương tiện hoặc hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ sở sản xuất được phép khắc phục nhưng không quá một (01) lần.

Trường hợp cơ sở sản xuất không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục thì được đánh giá là không đạt.

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 12 như sau:

"4. Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra thiết bị, phương tiện tại hiện trường theo các nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Kết thúc kiểm tra hiện trường, Cơ quan kiểm tra lập Biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư này;

a) Trường hợp thiết bị, phương tiện và hồ sơ đăng ký kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Cơ quan kiểm tra thực hiện quy trình cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp thiết bị, phương tiện hoặc hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này. Doanh nghiệp nhập khẩu được phép khắc phục nhưng không quá một (01) lần (trừ trường hợp toa xe đường sắt đô thị).

Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục thì được đánh giá là không đạt.

Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị, quá thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Cơ quan kiểm tra gửi thông báo khắc phục, doanh nghiệp nhập khẩu chưa hoàn thành việc khắc phục mà không có văn bản nêu rõ lý do chưa hoàn thành việc khắc phục và cam kết mốc thời gian khắc phục mới thì được đánh giá là không đạt".

3. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 19 như sau:

"c) Nộp lại bản giấy Giấy chứng nhận, tem kiểm định cho Cơ quan kiểm tra khi xuất khẩu phương tiện tạm nhập, tái xuất hoặc khi có thông báo thu hồi của Cơ quan kiểm tra (trừ trường hợp bị mất)."

4. Thay thế cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" bằng cụm từ "Bộ Xây dựng" tại khoản 9 Điều 3.

5. Bổ sung Phụ lục VIa mẫu Biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường sau Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT bằng Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi Điều 10 của Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt (sau đây gọi là Thông tư số 19/2018/TT-BGTVT) đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2024/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2018/TT-BGTVT

"**Điều 10. Công nhận, công nhận lại, ban hành lại và thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên**

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên; công nhận lại đăng kiểm viên khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực; ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên khi bị sai sót thông tin trên Quyết định, khi bị mất, hư hỏng Quyết định, khi bị thu hồi Quyết định.

2. Quyết định công nhận, công nhận lại đăng kiểm viên có thời hạn 05 (năm) năm. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực hoặc khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, có sai sót thông tin, đăng kiểm viên có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá để công nhận lại đăng kiểm viên hoặc ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi công vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

4. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thu hồi Quyết định

công nhận đăng kiểm viên đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thông báo đến đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đăng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên chỉ được cấp lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên tối thiểu 06 (sáu) tháng kể từ ngày thu hồi.".

Điều 3. Bãi bỏ một số điểm của các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 30/2023/TT-BGTVT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt

1. Bãi bỏ điểm 1.3.9 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2023/BGTVT về yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường sắt trong quá trình khai thác sử dụng.

2. Bãi bỏ điểm 1.3.16 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BGTVT về yêu cầu kỹ thuật và quy định kiểm tra đối với đầu máy điêzen, phương tiện chuyên dùng tự hành khi sản xuất lắp ráp, nhập khẩu.

3. Bãi bỏ điểm 1.3.9 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 18:2023/BGTVT về kiểm tra toa xe, phương tiện chuyên dùng không tự hành khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2025./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Danh Huy

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày 15/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

"PHỤ LỤC VIa
MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG

I. Đối tượng kiểm tra

- Phương tiện/thiết bị: .....
- Hồ sơ đăng ký kiểm tra: .....
- Loại hình kiểm tra: ..... [1]

II. Thành phần tham gia

1. ..... [2]

Ông/bà: … chức vụ: .....

Ông/bà: … chức vụ:.....

2. ..... [3]

Ông/bà: … chức vụ: .....

Ông/bà: … chức vụ:.....

III. Thời gian và địa điểm kiểm tra

Bắt đầu: ngày .....tháng .....năm.....

Kết thúc: ngày .....tháng .....năm.....

Địa điểm kiểm tra: .....

Biên bản này được lập thành 02 bản vào lúc ..... giờ ..... ngày .../.../..., có nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Cá nhân có liên quan ký tên dưới đây xác nhận thống nhất với nội dung của biên bản.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP	**NGƯỜI KIỂM TRA**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)"*

[1] Lựa chọn: Sản xuất, lắp ráp/nhập khẩu
[2] Tên Cơ quan kiểm tra
[3] Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký kiểm tra